

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/DS-ST.

Ngày: 21-6-2022

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Nghĩa
Bà Lê Thị Thúy Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST – DS ngày 10/5/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 81/2022/QĐST-DS ngày 30/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi A, sinh năm 1946 (Có mặt)

Địa chỉ: số nhà E đường N, khóm A, phường R, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1. Ông Phan H, sinh năm 1969 (Có mặt)

HKTT: khóm B, phường R, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: số nhà U đường N, khóm A, phường R, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Tạ P, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm B, phường R, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi A trình bày:

Trước đây do ông và ông Phan H là chỗ quen biết nên ông H đã nhiều lần vay vốn ông để làm ăn, thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Số tiền vốn hiện nay ông H hỏi vay của ông ba lần tổng cộng là 1.170.000.000 đồng, cụ thể lần đầu ông H hỏi ông số tiền 150.000.000 đồng, lần thứ hai hỏi số tiền 250.000.000 đồng và lần thứ ba hỏi số tiền 770.000.000 đồng. Thời gian bắt đầu cho ông H hỏi tiền khoảng đầu năm 2021, ông không nhớ chính xác thời gian, do mỗi lần hỏi tiền đều có làm biên nhận. Đến ngày 19/9/2021 âm lịch thì ông H làm lại biên nhận thiếu tiền tổng lại nên ông H đã lấy lại các biên nhận trước đó. Ông chỉ còn giữ 01 biên nhận ngày 19/9/2021 âm lịch đã nộp cho Tòa án. Từ khi vay đến nay thì ông H cũng có đóng lãi cho ông nhưng ông không nhớ cụ thể số tiền lãi bao nhiêu.

Khi ông H hỏi vay tiền của ông thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Về số tiền lãi ông H ghi trong biên nhận 174.000.000 đồng là ông H tự tính lãi và ghi vô trên số tiền vốn là 1.170.000.000 đồng. Theo biên nhận ông H ghi thì tính ra ông H còn thiếu ông 05 tháng lãi. Ông có nhiều lần yêu cầu ông H trả tiền cho ông nhưng ông H hèn lẩn.

Khi ông H hỏi tiền ông thì ông H và vợ là bà Tạ P vẫn còn vợ chồng, sống chung với nhau tại khóm B, phường R, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Bà P làm nghề bán thuốc tây còn ông H thì ông biết là đi tìm mua đất sau đó bán lại kiếm lời, ngoài ra ông không thấy ông H làm nghề gì khác. Ông H kiếm lời cũng để phục vụ nhu cầu gia đình vì ông H vay tiền là để làm ăn.

Theo đơn kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông A yêu cầu ông H và bà P cùng liên đới chịu trách nhiệm trả tiền cho ông số tiền vốn vay là 1.170.000.000 đồng; tiền lãi 05 tháng trước khi làm biên nhận ngày 19/9/2021 âm lịch (nhằm ngày 24/10/2021 dương lịch) là 97.500.000 đồng và tiếp tục tính lãi từ sau ngày làm biên nhận nhằm ngày 25/10/2021 dương lịch đến ngày xét xử trên số tiền vốn gốc là 1.170.000.000 đồng, mức lãi suất yêu cầu là 20%/năm.

2/ Trong quá trình xét xử cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Phan H trình bày:

Sau khi xem qua biên nhận lập ngày 19/9/2021 âm lịch ông A cung cấp cho Tòa án thì ông xác định biên nhận này do chính ông viết đưa cho ông A, ông viết biên nhận tại nhà ông A. Biên nhận này được lập là tổng hợp các biên nhận trước đây, vì ông có hỏi tiền ông A từ khoảng 3-4 năm trước nhiều lần, sau khi làm biên nhận này thì ông có lấy lại các biên nhận trước đây và đã hủy hết biên nhận rồi. Khi hỏi tiền của ông A đều có mức lãi suất là 3%/tháng. Ông có nhiều lần hỏi tiền và nhiều lần trả nhưng tổng hợp lại biên nhận này là đúng. Ông hỏi tiền ông A để trang trải nợ, hỏi chỗ này lấp trả nợ cho chỗ khác, xoay sở kinh tế, khi đưa rước con đi học thì ông lo tiền ăn học cho con, đồ dùng sinh hoạt trong nhà cái nào nhỏ nhỏ thì ông mua. Bà P không biết ông có hỏi ông A số tiền này, vì lúc ông và bà P còn trong giai đoạn hôn nhân thì về tiền bạc thì ai nấy xài riêng tuy nhiên thì bà P cũng thống nhất bán các tài sản trong giai đoạn hôn

nhân giữa ông và bà P để trả các khoản nợ do ông gây ra. Mức lãi suất hỏi ông A lúc nào cũng thỏa thuận là 3%/tháng, nhưng khi làm biên nhận thì đã tính lại số tiền lãi suất tổng cộng còn thiếu là 174 triệu đồng chứ không xác định được thời gian tính lãi, với trên số tiền vốn nào vì hỏi vay của ông A nhiều lần. Tại phiên tòa thì ông cũng thống nhất với thời gian thiếu tiền lãi cũng như mức lãi suất như ông A yêu cầu.

Ông cũng đồng ý còn nợ ông A số tiền vốn vay, tiền lãi, thời gian thiếu tiền lãi, mức lãi suất theo như ông A yêu cầu nhưng ông không có khả năng trả liền, đợi khi Tòa án xử sẽ thi hành án.

3/ Bị đơn bà Tạ P đã được Tòa án thông báo nội dung đơn kiện của ông A nhưng bà P không có ý kiến phản hồi đến Tòa án đồng thời cũng từ chối cung cấp lời khai cho Tòa án. Bà cho rằng không liên quan đến vụ việc này, bà và ông H đã ly hôn với nhau nên mọi việc tranh chấp của ông H không có liên quan đến bà.

4/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn và bị đơn có mặt đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Còn bị đơn bà P vắng mặt không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi A. Buộc ông Phan H và bà Tạ P cùng liên đới trả cho ông Bùi A số tiền vốn vay là 1.170.000.000 đồng và toàn bộ tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn bà Tạ P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà P.

[2] Nguyên đơn ông Bùi A yêu cầu bị đơn ông Phan H và bà Tạ P cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền 1.170.000.000 đồng. Bị đơn ông H cũng thống nhất có hỏi vay của ông A số tiền vốn 1.170.000.000 đồng, ông cũng đồng ý trả nhưng không có khả năng trả ngay, để khi Tòa án xét xử sẽ dùng tài sản của ông để thi hành án, còn đối với bà P mặc dù không tham gia phiên tòa nhưng theo ông

H trình bày tại phiên tòa thì bà P cũng thống nhất cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi đối với những tài sản trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà P để trả các khoản nợ do ông gây ra. Chứng cứ nguyên đơn ông A cung cấp tờ Biên nhận lập ngày 19/9/2021 âm lịch có nội dung “*Em: Phan H sn 1969 CMND số 365727077 trú tại khóm B, phường R, thị xã N – Sóc Trăng. Sau khi đã tính vốn và lãi của các biên nhận trước. Tổng cộng tiền vốn là 1.170.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy chục triệu đồng) Lãi suất 3% Tháng. Tiền lãi 174.000.000đ (Một trăm bảy mươi bốn triệu đồng) Hẹn trong vòng 01 năm em sẽ trả đủ hết số tiền nêu trên (chia làm nhiều lần)...*”. Bị đơn ông H cũng thừa nhận biên nhận này do chính ông viết đưa cho ông A. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định ông H có hỏi vay tiền ông A số tiền vốn là 1.170.000.000 đồng là có thật. Từ khi làm biên nhận đến nay thì ông H chưa có trả khoản tiền nào cho ông A nên đã vi phạm nghĩa vụ của trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nên ông A khởi kiện yêu cầu ông H hoàn trả số tiền vay là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, ông H trình bày mục đích vay tiền của ông A là để phục vụ cho việc làm ăn riêng của ông là ông hỏi để lấp trả nợ chỗ này chỗ khác, lâu lâu chỉ chi tiêu nhỏ nhặt trong gia đình và lo cho các con ăn học, không có liên quan đến bà Tà P. Về phía bà P cho rằng bà không có liên quan đến các khoản nợ của ông H, giữa bà và ông H đã ly hôn và các vụ việc liên quan đến ông H thì không có liên quan đến bà. Theo lời trình bày của nguyên đơn việc ông Hoàng vay tiền với các mục đích là mua đất và phục vụ cho gia đình. Hội đồng xét xử nhận thấy, số tiền ông H vay của ông A là khoản tiền lớn, ông H xác nhận mục đích vay để làm ăn kinh doanh, lo chi phí cho các con ăn học, mua sắm một số vật dụng nhỏ trong gia đình; đối chiếu Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự số 69/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm giải quyết giữa ông H và bà P thì khoản nợ nêu trên đều phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông H, bà P và mục đích vay tiền để làm ăn kinh doanh, lo chi phí cho các con ăn học, mua sắm vật dụng trong gia đình trong khoảng thời gian ông H và bà P còn chung sống với nhau. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc ông H và bà P cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán toàn bộ tiền nợ vốn vay và tiền lãi cho nguyên đơn ông Bùi A.

[4] Xét về lãi suất: Theo nhận định tại mục [2] thì 19/9/2021 âm lịch nhằm ngày 24/10/2021 dương lịch thì ông H có hỏi vay của ông A số tiền vốn 1.170.000.000 đồng và lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...*”. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn ông A chỉ yêu cầu ông H và bà P trả cho ông số tiền lãi theo quy định của pháp luật với mức lãi suất 20%/năm đối với 05 tháng trước khi làm biên nhận số tiền 97.500.000 đồng và từ ngày 25/10/2021 dương lịch đến ngày xét xử theo mức lãi suất 20%/năm. Ông H cũng thống nhất. Do đó, yêu cầu về lãi

suất của nguyên đơn ông A là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, ông H và bà P còn phải trả lãi cho ông A cụ thể như sau: Tính từ ngày 25/10/2021 dương lịch đến ngày xét xử (21/6/2022 dương lịch) là 07 tháng 27 ngày x 1.170.000.000 đồng x 20%/năm = 154.050.000 đồng + 97.500.000 đồng (05 tháng lãi còn thiếu trước khi làm biên nhận) = 251.550.000 đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông H và bà P cùng phải liên đới chịu là 54.646.500đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn ông A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông A thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí dân sự nên không đặt ra xem xét việc hoàn trả tạm ứng án phí lại cho ông A.

[6] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 288, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi A về việc yêu cầu bị đơn ông Phan H và bà Tạ P cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay.

Buộc ông Phan H và bà Tạ P cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Bùi A số tiền tổng cộng 1.421.550.000đ (*Một tỷ, bốn trăm hai mươi một triệu, năm trăm năm chục nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Bùi A thì hàng tháng ông Phan H và bà Tạ P còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2/ Về án phí sơ thẩm:

Ông Phan H và bà Tạ P cùng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 54.646.500đồng (*Năm mươi bốn triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm đồng*).

Ông Bùi A không phải chịu án phí.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký tên và đóng dấu**

Đặng Thị Vàng